

Phụ lục 01
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG TÀI LIỆU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
CHỈNH LÝ TÀI LIỆU CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH,
GIAI ĐOẠN 2025-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu (mét)	Tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ (mét)	Tài liệu rời lẻ (mét)	Thời gian thực hiện chỉnh lý và số hóa tài liệu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	5.0	0.0	5.0	2025-2030	
B	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	11.653,4	713,1	10.940,3		
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1.101,0	401,4	699,6	2025-2030	
2	Sở Tư pháp	343,3	0	343,3	2025-2030	
3	Sở Nội vụ	1.400,8	180,0	1.220,8	2025-2030	
4	Sở Khoa học và Công nghệ	296,0	0	296,0	2025-2030	
5	Sở Tài chính	1.000,0	0	1.000,0	2025-2030	
6	Sở Công Thương	662,3	0	662,3	2025-2030	
7	Sở Xây dựng	662,0	0	662,0	2025-2030	
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3.896,9	71,8	3.825,1	2025-2030	
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	312,0	8,0	304,0	2025-2030	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	616,0	52,0	564,0	2025-2030	
11	Sở Y tế	685,0	0	685,0	2025-2030	
12	Sở Dân tộc – Tôn giáo	161,0	0	161,0	2025-2030	
13	Thanh tra tỉnh	264,0	0	264,0	2025-2030	
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp	15,2	0	15,2	2025-2030	
15	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	238,0	0	238,0	2025-2030	
Tổng cộng (A+B)		11.658,4	713,1	10.945,3		